

Ngày 30/09/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.8%	-28.9%	-30.0%

	Q3/25	
ROE	2.0%	+/- YoY ▼ 26.5%

	Q3/25		
DT thuần	1.02	QoQ ▲ 0.02 ▲ 2.5%	YoY ▲ 0.11 ▲ 12.6%
		tỷ VNĐ	

	9T 2025	
DT thuần	2.96	YoY ▲ 0.50 ▲ 20.3%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN gộp	0.47	QoQ ▲ 0.01 ▲ 1.3%	YoY ▲ 0.07 ▲ 16.5%
		tỷ VNĐ	

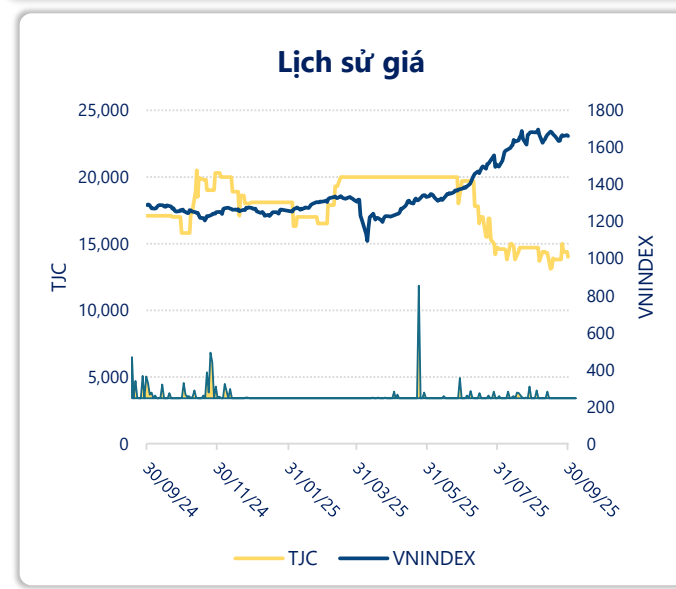
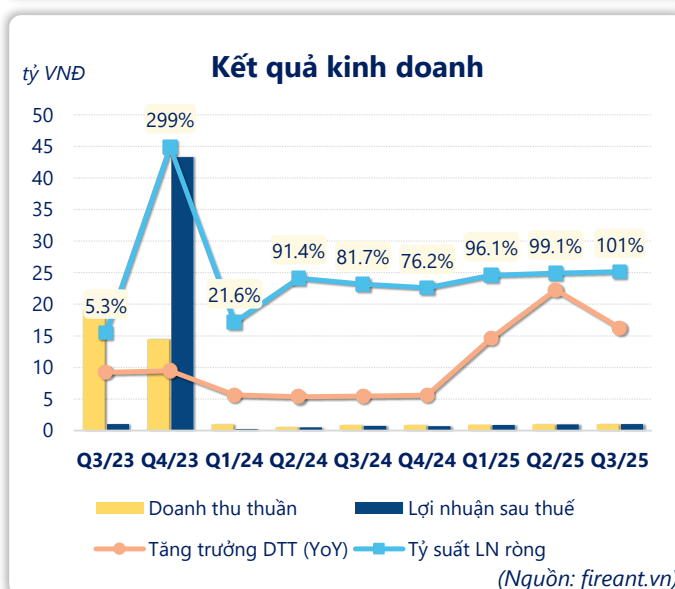
	9T 2025	
LN gộp	1.45	YoY ▲ 1.17 ▲ 425%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN thuần	1.30	QoQ ▲ 0.07 ▲ 5.6%	YoY ▲ 0.37 ▲ 39.7%
		tỷ VNĐ	

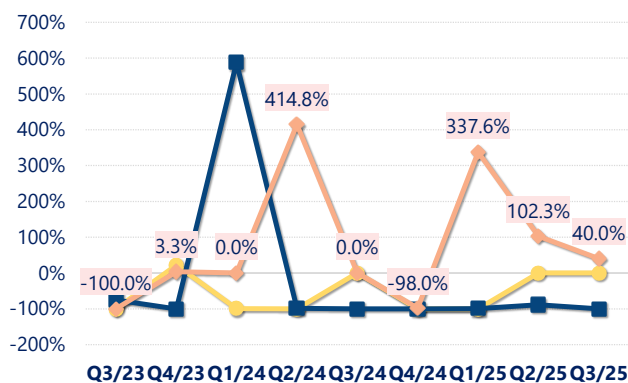
	9T 2025	
LN thuần	3.67	YoY ▲ 1.52 ▲ 70.6%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN sau thuế	1.04	QoQ ▲ 0.05 ▲ 5.0%	YoY ▲ 0.30 ▲ 40.5%
		tỷ VNĐ	

	9T 2025	
LN sau thuế	2.93	YoY ▲ 1.45 ▲ 97.9%
		tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

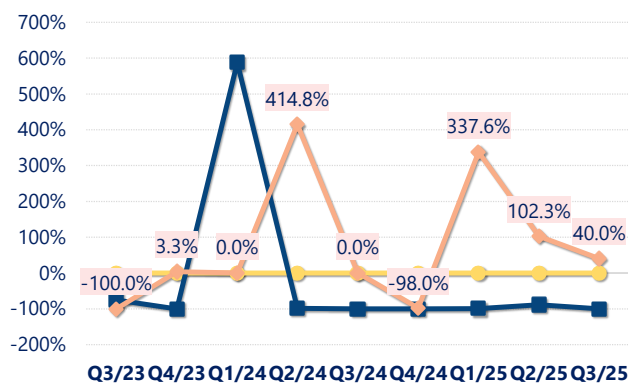


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

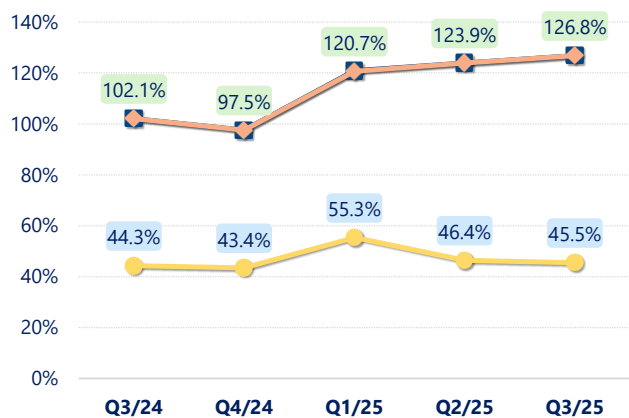


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

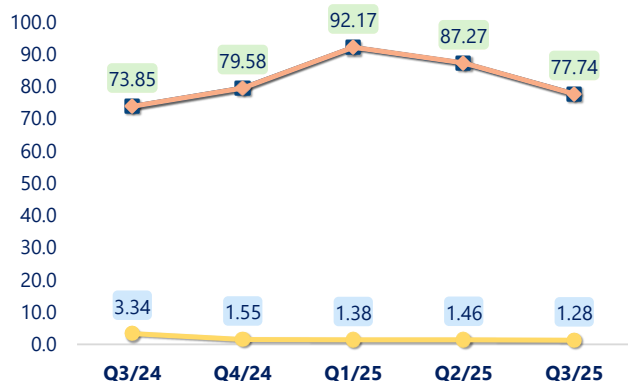


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

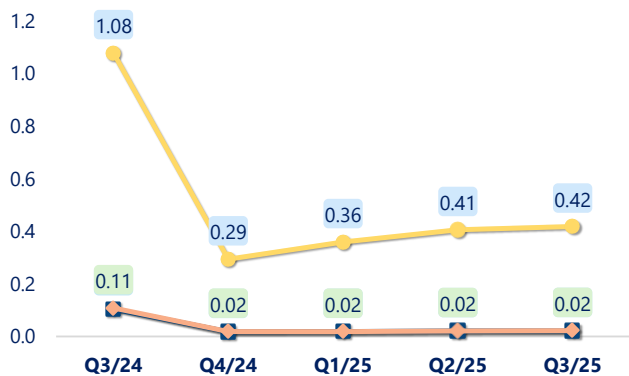


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

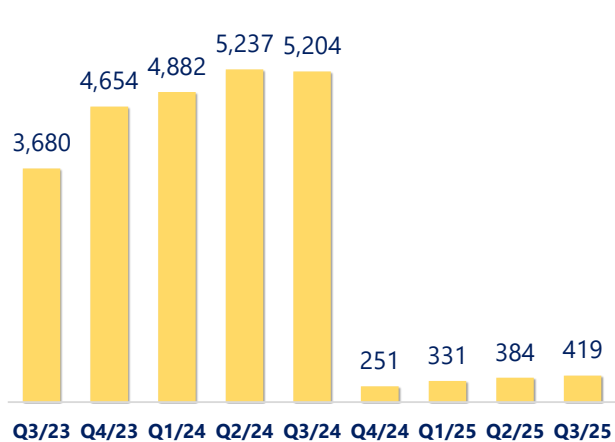


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.02	0.91	12.6%	2.96	2.46	20.3%
Giá vốn hàng bán	0.56	0.51	9.6%	1.51	2.18	-30.8%
Lợi nhuận gộp	0.47	0.40	16.5%	1.45	0.28	425%
Doanh thu HĐTC	1.87	1.48	26.4%	5.49	5.51	-0.4%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.03	0	
Chi phí QLDN	1.04	0.96	8.0%	3.23	3.63	-11.1%
LN thuần từ HĐKD	1.30	0.93	39.7%	3.67	2.15	70.6%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.00	-0.31	99.2%
LN trước thuế	1.30	0.93	39.7%	3.66	1.84	99.2%
Lợi nhuận sau thuế	1.04	0.74	40.5%	2.93	1.48	97.9%
LNST của CĐ cty mẹ	1.04	0.74	40.5%	2.93	1.48	97.9%

(Nguồn: fireant.vn)

